



Ký bởi: *.phuyen.gov.vn

Ngày ký: 26/06/2024 11:21:13 +0700

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



CÔNG BÁO

Tỉnh Phú Yên

Số 27 + 28

Ngày 24 tháng 06 năm 2024

MỤC LỤC

Trang

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

10/06/2024	Quyết định số 26/2024/QĐ-UBND Bãi bỏ Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh	3
14/06/2024	Quyết định số 27/2024/QĐ-UBND Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên	5
17/06/2024	Quyết định số 28/2024/QĐ-UBND Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo Bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể và Tổ giúp việc của Hội đồng trên địa bàn tỉnh ...	14

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

29/05/2024	Quyết định số 741/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Công chứng, Giám định tư pháp, Luật sư, Tư vấn pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên	18
------------	---	----

VĂN BẢN PHÁP LUẬT KHÁC

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

31/05/2024	Quyết định số 764/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải	30
31/05/2024	Quyết định số 765 /QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Thừa phát lại, Trọng tài thương mại, Hòa giải thương mại, Đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên	53
06/06/2024	Quyết định số 788/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Y, được cổ truyền và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	65
14/06/2024	Quyết định số 827/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã trên ...	69
18/06/2024	Quyết định số 842/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Phú Yên	75
20/06/2024	Quyết định số 857/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên	83
20/06/2024	Quyết định số 858/QĐ-UBND Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế	117
21/06/2024	Quyết định số 868/QĐ-UBND Công bố Danh mục 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử ...	120

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 26/2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 10 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Bãi bỏ Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2012
của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý
tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và
Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Tần số vô tuyến điện ngày 23 tháng 11 năm 2009;
Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện
ngày 09 tháng 11 năm 2022;
Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính
phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của
Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14
tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi
hành Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật;
Căn cứ Nghị định số 63/2023/NĐ-CP ngày 18/8/2023 của Chính phủ quy
định chi tiết một số điều của Luật Tần số vô tuyến điện số 42/2009/QH12, được sửa
đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 09/2022/QH15;
Theo đề nghị của Sở Thông tin và Truyền thông tại Tờ trình số 41/TTr-STTTT
ngày 20 tháng 5 năm 2024; Báo cáo kết quả thẩm định của Sở Tư pháp tại văn bản số
101/BC-STP ngày 15 tháng 5 năm 2024; ý kiến thống nhất của thành viên Ủy ban
nhân dân tỉnh tại Nghị quyết số 198/NQ-UBND ngày 05 tháng 6 năm 2024.*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Bãi bỏ toàn bộ Chỉ thị số 13/2012/CT-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2012 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường công tác quản lý tần số và thiết bị phát sóng vô tuyến điện trên địa bàn tỉnh.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày 20 tháng 6 năm 2024.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Thông tin và Truyền thông; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Đào Mỹ

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 27/2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy chế phối hợp thực hiện
công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước ngày 20 tháng 6 năm 2017;

Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10 tháng 12 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 50/TTr-STP ngày 30/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày 25 tháng 6 năm 2024.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh Phú Yên
(Kèm theo Quyết định số: 27/2024/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024
của Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định nguyên tắc, nội dung, hình thức và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương, cá nhân có liên quan trong phối hợp thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo Luật Trách nhiệm bồi thường của Nhà nước năm 2017 (sau đây viết tắt là Luật TNBTCNN) trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Các nội dung khác không quy định tại Quy chế này thì thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

- Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh.
- Các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh.
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp huyện).
- Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (sau đây gọi là Ủy ban nhân dân cấp xã).
- Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước theo Luật TNBTCNN trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

Điều 3. Nguyên tắc phối hợp

- Tuân thủ các quy định của Luật TNBTCNN và các văn bản hướng dẫn thi hành.
- Đảm bảo nguyên tắc phối hợp thường xuyên, chặt chẽ, đồng bộ, thống nhất trong quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
- Xác định trách nhiệm cụ thể giữa các cơ quan, tổ chức, địa phương có liên quan nhằm bảo đảm giải quyết vụ việc yêu cầu bồi thường kịp thời, công khai, minh bạch, khách quan, trung thực, đúng pháp luật.
- Việc phối hợp dựa trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng cơ quan, đơn vị, địa phương và quy định của pháp luật; không làm cản trở đến hoạt động của các cơ quan, tổ chức có liên quan, cũng như ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức khác.

Điều 4. Hình thức phối hợp

1. Trao đổi ý kiến bằng văn bản hoặc cung cấp thông tin bằng văn bản theo yêu cầu của cơ quan chủ trì, cơ quan phối hợp.
2. Thành lập các đoàn kiểm tra, thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý vi phạm trong công tác bồi thường nhà nước.
3. Tổ chức các cuộc họp, hội nghị sơ kết, tổng kết; tổ chức cuộc họp liên ngành.
4. Các hình thức phối hợp khác phù hợp theo quy định của pháp luật.

Chương II

NỘI DUNG PHỐI HỢP

Điều 5. Bố trí đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước

1. Mỗi cơ quan, đơn vị, địa phương bố trí một đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước tại cơ quan, đơn vị mình; gửi thông tin về đầu mối phụ trách đến Sở Tư pháp. Trường hợp có sự thay đổi thông tin về đầu mối phụ trách, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời gửi văn bản đến Sở Tư pháp để tổng hợp, theo dõi.
2. Sở Tư pháp có trách nhiệm tổng hợp danh sách đầu mối phụ trách công tác bồi thường nhà nước của các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn tỉnh.

Điều 6. Phối hợp hướng dẫn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ công tác bồi thường nhà nước cho người thực hiện công tác bồi thường nhà nước tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn nghiệp vụ, trả lời đề xuất, kiến nghị của cơ quan giải quyết bồi thường hoặc cơ quan khác có liên quan đến công tác bồi thường nhà nước khi có đề nghị.
2. Các cơ quan, đơn vị cử người thực hiện công tác bồi thường nhà nước tham gia tập huấn, bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ do Sở Tư pháp chủ trì tổ chức.

Điều 7. Phối hợp trong việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo điểm a, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 41 Luật TNBTCNN và khoản 2 Điều 32 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP ngày 15/5/2018 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật TNBTCNN.

Trường hợp các cơ quan, đơn vị, địa phương không thống nhất trong việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường thì xin ý kiến các bộ, ngành trung ương để trao đổi, thống nhất tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

2. Các cơ quan, đơn vị cử đại diện tham gia phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện việc xác định cơ quan giải quyết bồi thường theo khoản 1 Điều này khi có đề nghị.

Điều 8. Phối hợp trong việc hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo Điều 6 Thông tư số 09/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp hỗ trợ, hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước, cụ thể:

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Cục Thi hành án dân sự tỉnh hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính và thi hành án dân sự;

b) Chủ trì, phối hợp với Tòa án nhân dân tỉnh, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh, Công an tỉnh hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước trong hoạt động tố tụng và thi hành án hình sự.

2. Các cơ quan, đơn vị có liên quan phối hợp với Sở Tư pháp thực hiện hướng dẫn người bị thiệt hại thực hiện thủ tục yêu cầu bồi thường nhà nước theo khoản 1 Điều này.

Điều 9. Phối hợp xác minh thiệt hại, thương lượng việc bồi thường

1. Cơ quan giải quyết bồi thường có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện xác minh thiệt hại và tổ chức thương lượng việc bồi thường thiệt hại theo quy định.

2. Sở Tư pháp, Sở Tài chính có trách nhiệm cử đại diện tham gia vào việc xác minh thiệt hại đối với các vụ việc phức tạp theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường quy định tại khoản 4 Điều 19 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

3. Sở Tư pháp có trách nhiệm cử đại diện tham gia thương lượng đối với tất cả các vụ việc yêu cầu bồi thường thuộc trách nhiệm giải quyết của cơ quan giải quyết bồi thường trên địa bàn tỉnh.

4. Viện kiểm sát nhân dân, Tòa án nhân dân và Cơ quan điều tra có trách nhiệm cử đại diện tham gia thương lượng trường hợp vụ việc yêu cầu bồi thường trong hoạt động tố tụng hình sự.

5. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm phối hợp với cơ quan giải quyết bồi thường trong việc xác minh thiệt hại; tham gia thương lượng bồi thường theo đề nghị của cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp cần thiết hoặc các trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 46 Luật TNBTCNN và khoản 1 Điều 21 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

Điều 10. Phối hợp xác định trách nhiệm hoàn trả của người thi hành công vụ gây thiệt hại

1. Cơ quan đã chi trả tiền bồi thường có trách nhiệm thành lập Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả (gọi tắt là Hội đồng), thực hiện phương thức làm việc của Hội đồng theo quy định tại Điều 28 và Điều 29 Nghị định số 68/2018/NĐ-CP.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan có trách nhiệm phối hợp cử đại diện tham gia Hội đồng đúng thành phần và trình bày ý kiến tại các cuộc họp của Hội đồng.

Điều 11. Phối hợp gửi văn bản trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả

1. Cơ quan tiến hành tố tụng, cơ quan thi hành án; các cơ quan hành chính tỉnh, cấp huyện, cấp xã trong quá trình giải quyết yêu cầu bồi thường và xác định trách nhiệm hoàn trả có trách nhiệm gửi Sở Tư pháp các văn bản quy định tại khoản 7 Điều 15, khoản 4 Điều 43, khoản 5 Điều 48, khoản 3 Điều 49, khoản 4 Điều 50, khoản 3 Điều 51 và khoản 4 Điều 66 Luật TNBTCNN.

2. Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu cơ quan giải quyết bồi thường báo cáo các nội dung về giải quyết yêu cầu bồi thường, thực hiện trách nhiệm hoàn trả và xử lý kỷ luật người thi hành công vụ của cơ quan giải quyết bồi thường trong trường hợp quy định tại điểm e khoản 3 Điều 73 Luật TNBTCNN và tiếp nhận các văn bản do các cơ quan, đơn vị, địa phương quy định tại khoản 1 Điều này gửi đến để theo dõi, tổng hợp.

Điều 12. Báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện công tác thống kê, báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất về công tác bồi thường nhà nước trên địa bàn tỉnh theo quy định.

b) Hướng dẫn các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh thực hiện công tác báo cáo, thống kê về công tác bồi thường nhà nước theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của Bộ Tư pháp.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm báo cáo, thống kê công tác bồi thường nhà nước thuộc phạm vi quản lý về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Tư pháp) trước ngày 10 tháng cuối của từng quý (đối với báo cáo quý), trước ngày 15 tháng 11 của năm báo cáo (đối với báo cáo năm), trước ngày 10 tháng 01 năm sau (đối với báo cáo năm chính thức).

Nội dung báo cáo, mốc thời gian lấy số liệu thống kê công tác bồi thường nhà nước thực hiện theo khoản 1 Điều 24 và Điều 25 Thông tư số 08/2019/TT-BTP ngày 10/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định biện pháp thực hiện chức năng quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước (Biểu mẫu báo cáo

từ Biểu mẫu số 01 đến Biểu mẫu số 04 ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTP).

Đối với báo cáo quý và báo cáo năm chính thức chỉ gửi thống kê số liệu theo Biểu mẫu số 01, 03 và 04.

3. Trách nhiệm báo cáo, thống kê quy định tại khoản 2 Điều này được thực hiện như sau:

a) Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước của cơ quan.

b) Các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước của cơ quan mình và cơ quan thuộc phạm vi quản lý.

c) Ủy ban nhân dân cấp huyện báo cáo, thống kê việc thực hiện công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp huyện và Ủy ban nhân dân cấp xã.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 13. Trách nhiệm thực hiện

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm:

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện quản lý nhà nước về công tác bồi thường nhà nước trong hoạt động quản lý hành chính, tổ tụng và thi hành án trên địa bàn tỉnh.

b) Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng, ban hành kế hoạch và tổ chức triển khai các nhiệm vụ trọng tâm về công tác bồi thường nhà nước.

c) Giúp Ủy ban nhân dân tỉnh tham mưu triển khai thực hiện, theo dõi, đôn đốc, kiểm tra thực hiện Quy chế này.

2. Các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan thuộc Trung ương được tổ chức theo ngành dọc tại tỉnh có trách nhiệm:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch công tác bồi thường nhà nước của Ủy ban nhân dân tỉnh và chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan nhà nước cấp trên; trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao và tình hình thực tế tại cơ quan, địa phương chủ động xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện công tác bồi thường nhà nước trong phạm vi ngành, lĩnh vực, địa phương.

b) Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả; xử lý kỷ luật, xử lý vi phạm trong giải quyết bồi thường theo thẩm quyền.

c) Chỉ đạo cơ quan cấp huyện theo ngành dọc giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả theo quy định.

d) Thực hiện các nội dung khác theo quy định của Quy chế này và các văn bản pháp luật có liên quan.

3. Công an tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Chỉ đạo cơ quan Công an cấp huyện có trách nhiệm tổ chức triển khai lực lượng để đảm bảo an ninh trật tự cho buổi trực tiếp xin lỗi và cải chính công khai theo đề nghị của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

4. Tòa án nhân dân tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Gửi các bản án có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước và chỉ đạo Tòa án nhân dân cấp huyện gửi các bản án có nội dung giải quyết yêu cầu bồi thường nhà nước cho Sở Tư pháp, đính kèm văn bản hoặc chú thích bản án có nội dung giải quyết bồi thường.

5. Sở Tài chính có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều này.

b) Thực hiện lập dự toán kinh phí bồi thường nhà nước theo quy định tại khoản 2 Điều 61 Luật TNBTCNN trên cơ sở tổng hợp từ báo cáo của Sở Tư pháp và các cơ quan, địa phương.

c) Thực hiện cấp phát kinh phí bồi thường và quyết toán kinh phí bồi thường theo quy định tại Điều 62, Điều 63 Luật TNBTCNN trên cơ sở đề nghị của cơ quan trực tiếp quản lý người thi hành công vụ gây thiệt hại.

6. Bảo hiểm xã hội tỉnh có trách nhiệm:

a) Thực hiện các nhiệm vụ quy định tại khoản 2 Điều này.

b) Chỉ đạo cơ quan bảo hiểm xã hội đang trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại có trách nhiệm thu tiền theo quyết định hoàn trả và nộp đầy đủ, kịp thời vào ngân sách nhà nước.

c) Tham gia Hội đồng xem xét trách nhiệm hoàn trả với tư cách là cơ quan chi trả lương hưu cho người thi hành công vụ gây thiệt hại trong trường hợp người đó đã nghỉ hưu.

7. Ủy ban nhân dân cấp huyện có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ quy định tại điểm a, b, d khoản 2 Điều này.

8. Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm:

a) Hằng năm, căn cứ kế hoạch và chỉ đạo của cấp trên chủ động triển khai thực hiện công tác giải quyết bồi thường nhà nước trong phạm vi quản lý địa phương.

b) Thực hiện công tác giải quyết bồi thường, xác định trách nhiệm hoàn trả, thực hiện quyết định hoàn trả theo quy định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

Trong quá trình triển khai, thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc vấn đề mới phát sinh thì các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Tư pháp để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:28/2024/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 17 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo Bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể và Tổ giúp việc của Hội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;

Căn cứ Luật Ngân sách ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định về giá đất;

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21/12/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 12/2024/NĐ-CP ngày 05/02/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định về giá đất và Nghị định số 10/2023/NĐ-CP ngày 03/4/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Thông tư số 36/2014/TT-BTNMT ngày 30/6/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết phương pháp định giá đất; xây dựng, điều chỉnh bảng giá đất; định giá đất cụ thể và tư vấn xác định giá đất;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 87/2016/TTLT-BTC-BTNMT ngày 22 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn việc thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, thẩm định phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 1541/TTr-STC ngày 24/5/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

Quyết định này quy định chi tiết các nội dung chi và mức chi cho hoạt

động thẩm định dự thảo bảng giá đất, thẩm định dự thảo bảng giá đất điều chỉnh của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể và Tổ giúp việc của Hội đồng trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

2. Đối tượng áp dụng:

Thành viên Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất (sau đây gọi chung là Hội đồng), Tổ giúp việc của Hội đồng;

Các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến hoạt động của Hội đồng thẩm định và Tổ giúp việc.

Điều 2. Nội dung chi và mức chi

1. Nội dung chi:

a) Chi công tác phí, xăng xe, nước uống; chi tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn.

b) Chi điều tra, thu thập thông tin.

c) Chi họp thẩm định dự thảo bảng giá đất, dự thảo bảng giá đất điều chỉnh, thẩm định phương án giá đất cụ thể.

d) Chi soạn thảo Thông báo kết quả thẩm định, kiểm tra.

đ) Chi làm đêm, làm thêm giờ liên quan đến Hội đồng, Tổ giúp việc thẩm định phương án giá đất cụ thể (nếu có).

e) Chi in ấn, phô tô tài liệu, văn phòng phẩm, thuê xe đi khảo sát thực địa, học tập kinh nghiệm và các chi phí khác có liên quan.

2. Mức chi:

a) Chi công tác phí, xăng xe, nước uống; chi tổ chức Hội nghị sơ kết, tổng kết, tập huấn: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 30/2017/NQ-HĐND ngày 21/9/2017 của HĐND tỉnh Phú Yên ban hành mức chi công tác phí, mức chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh Phú Yên.

b) Chi điều tra, thu thập thông tin: Thực hiện theo Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các cuộc điều tra thống kê, tổng điều tra thống kê quốc gia; Thông tư số 37/2022/TT-BTC ngày 22/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính bổ sung, sửa đổi khoản 9 Điều 3 Thông tư số 109/2016/TT-BTC ngày 30/6/2016.

c) Chi làm đêm, thêm giờ: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05/01/2005 của Bộ trưởng Bộ Nội vụ và Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

d) Chi họp thẩm định dự thảo bảng giá đất, dự thảo bảng giá đất điều chỉnh:

STT	Thành phần tham dự	Đơn vị tính	Mức chi (đồng/người)
1	Chủ tịch Hội đồng thẩm định bảng giá đất hoặc người được ủy quyền điều hành phiên họp	Dự thảo	500.000
2	Thường trực Hội đồng và các thành viên Hội đồng thẩm định bảng giá đất	Dự thảo	400.000
3	Thành viên Tổ Giúp việc của Hội đồng thẩm định bảng giá đất tỉnh, thư ký hành chính	Dự thảo	300.000

4	Đại diện các đơn vị liên quan tham dự	Dự thảo	100.000
---	---------------------------------------	---------	---------

đ) Chi thăm định phương án giá đất cụ thể của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp tỉnh:

STT	Thành phần tham dự	Đơn vị tính	Mức chi (đồng/người)
1	Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất hoặc người được ủy quyền điều hành phiên họp	Phương án	350.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng, Thường trực Hội đồng và các thành viên Hội đồng thẩm định giá đất, thư ký hành chính	Phương án	300.000
3	Thành viên Tổ Giúp việc của Hội đồng thẩm định giá đất, thư ký hành chính	Phương án	250.000
4	Đại diện các đơn vị liên quan tham dự	Phương án	100.000

e) Chi thăm định phương án giá đất cụ thể của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp huyện:

STT	Thành phần tham dự	Đơn vị tính	Mức chi (đồng/người)
1	Chủ tịch Hội đồng thẩm định giá đất hoặc người được ủy quyền điều hành phiên họp	Phương án	250.000
2	Phó Chủ tịch Hội đồng, Thường trực Hội đồng và các thành viên Hội đồng thẩm định giá đất, thư ký hành chính	Phương án	200.000
3	Thành viên Tổ Giúp việc của Hội đồng thẩm định giá đất huyện, thư ký hành chính	Phương án	150.000
4	Đại diện các đơn vị liên quan tham dự	Phương án	100.000

g) Chi soạn thảo thông báo kết quả của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp tỉnh, kiểm tra tính pháp lý phương án giá đất cụ thể của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp tỉnh: 300.000 đồng/thông báo kết quả thẩm định, kiểm tra. Chi soạn thảo thông báo kết quả của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp huyện, kiểm tra tính pháp lý phương án giá đất cụ thể của Tổ giúp việc Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể cấp huyện: 200.000 đồng/thông báo kết quả thẩm định, kiểm tra.

Các nội dung tại điểm d, đ, e, g khoản 2 Điều này chỉ được thanh toán khi dự thảo bảng giá đất, dự thảo bảng giá đất điều chỉnh, phương án giá đất cụ thể đã được UBND cấp có thẩm quyền phê duyệt.

h) Chi mua văn phòng phẩm, in ấn, phô tô tài liệu, thuê xe đi khảo sát thực địa, học tập kinh nghiệm và các khoản chi khác có liên quan phục vụ trực tiếp cho hoạt động của các Hội đồng thanh toán theo thực tế hóa đơn, chứng từ hợp pháp, hợp lệ; khi có phát sinh ngoài dự toán và trong quá trình triển khai thực hiện, trên cơ sở tình hình thực tế ngân sách của địa phương, cơ quan Thường trực Hội đồng nghiên cứu đề xuất điều chỉnh mức chi trình UBND tỉnh xem xét quyết định theo thẩm quyền.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

Kinh phí phục vụ cho hoạt động của Hội đồng và Tổ giúp việc của các Hội đồng được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố. Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố quản lý, sử dụng kinh phí theo

quy định tại Quyết định này và các quy định hiện hành. Căn cứ vào tình hình thực tế và khả năng tự cân đối ngân sách của từng địa phương để bố trí kinh phí đảm bảo các nhiệm vụ chi theo quy định cho phù hợp.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Sở Tài chính, Phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố chủ trì, phối hợp các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan tổ chức thực hiện Quyết định.

2. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Quyết định này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 28 tháng 6 năm 2024. Quyết định này thay thế Quyết định số 03/2023/QĐ-UBND ngày 01/02/2023 của UBND tỉnh Phú Yên quy định nội dung chi và mức chi cho hoạt động thẩm định dự thảo bảng giá đất của Hội đồng thẩm định bảng giá đất, phương án giá đất của Hội đồng thẩm định giá đất cụ thể và Tổ giúp việc của Hội đồng trên địa bàn tỉnh.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các sở: Tài chính, Tài nguyên và Môi Trường, Tư pháp; Cục trưởng Cục Thuế tỉnh; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh Phú Yên; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Trưởng phòng Tài chính Kế hoạch các huyện, thị xã, thành phố; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan; các thành viên Hội đồng thẩm định bảng giá đất, Hội đồng thẩm định giá đất và Tổ giúp việc của Hội đồng chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Thị Nguyên Thảo

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 741/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 29 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Công chứng, Giám định tư pháp, Luật sư, Tư vấn pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 849/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực luật sư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 850/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực tư vấn pháp luật thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 851/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực công chứng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 853/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực giám định tư pháp thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 48/TTr-STP ngày 23 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 26 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Công chứng, Giám định tư pháp, Luật sư, Tư vấn pháp luật thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (*phụ lục kèm theo*).

Nội dung công bố các thủ tục hành chính ban hành theo Quyết định số 909/QĐ-UBND ngày 17/7/2023; số thứ tự 8, 10, 12, 14, 16, 18 phần I của Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 956/QĐ-UBND ngày 13/7/2021; số thứ tự từ 1 đến 11 và 13, 14 của Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 816/QĐ-UBND ngày 12/7/2022; số thứ tự từ 1 đến 4 đối với lĩnh vực tư vấn pháp luật tại Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1435/QĐ-UBND ngày 21/8/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH
VỰC CÔNG CHỨNG, LUẬT SƯ, TƯ VẤN PHÁP LUẬT, GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ YÊN
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 741 /QĐ-UBND ngày 29 tháng 5 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ HÀNH CHÍNH

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Công chứng (8 TTHC)						
1	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp ra quyết định đăng ký hành nghề và cấp Thẻ công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ:	100.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Công chứng số 53/2014/QH13; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 01/2021/TT-BTP ngày 03/02/2021 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Công chứng; - Thông tư số 257/2016/TT-BTC ngày 11/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu,	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 851/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Cấp lại Thẻ công chứng viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Thẻ cho công chứng viên; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.	Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	100.000 đồng/hồ sơ.		
3	Thành lập Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đề nghị thành lập		Không		

		Văn phòng công chứng, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.			chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí công chứng; phí chứng thực; phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề công chứng; phí thẩm định điều kiện hoạt động Văn phòng công chứng; lệ phí cấp thẻ công chứng viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số	
4	Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.		1.000.000 đồng/hồ sơ.	111/2017/TT-BTC ngày 20/10/2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	
5	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét cấp lại giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng trong trường hợp thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở,		- 500.000 đồng/hồ sơ đối với trường hợp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động khi thay đổi tên gọi, địa chỉ trụ sở, Trưởng Văn phòng công chứng; - Không thu phí đối với trường hợp		

		<p>Trưởng Văn phòng công chứng hoặc ghi nhận nội dung thay đổi vào giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng trong trường hợp Văn phòng công chứng thay đổi danh sách công chứng viên hợp danh hoặc công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>		<p>ghi nhận nội dung thay đổi đăng ký hoạt động khi thay đổi công chứng viên hợp danh hoặc công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng.</p>		
6	<p>Đăng ký hoạt động Văn phòng công chứng hợp nhất</p>	<p>Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đăng ký hoạt động, Sở Tư pháp cấp giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng công chứng hợp nhất, đồng thời thực hiện việc xóa tên các Văn phòng công chứng được hợp nhất khỏi danh sách đăng ký hoạt động; trường</p>		<p>1.000.000 đồng/hồ sơ.</p>		

		hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.				
7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp xem xét, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng nhận sáp nhập; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.		500.000 đồng/hồ sơ.		
8	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng chuyên nhượng	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp xem xét, cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Văn phòng công chứng; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do.		500.000 đồng/hồ sơ.		
II. Lĩnh vực Luật sư (13 TTHC)						
1	Đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp	- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến.	50.000 đồng/hồ sơ.	- Luật Luật sư số 65/2006/QH11 ngày 29/6/2006; - Nghị định số	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo

		Giấy đăng ký hoạt động cho tổ chức hành nghề luật sư.	- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.		123/2013/NĐ-CP ngày 14/10/2013 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 05/2021/TT-BTP ngày 24/6/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư, Nghị định quy định quy chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Luật sư; - Thông tư số 47/2019/TT-BTC ngày 05 tháng 8 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí cung cấp thông tin doanh nghiệp, lệ phí đăng ký doanh nghiệp;	Quyết định số 849/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của tổ chức hành nghề luật sư			50.000 đồng/hồ sơ.		
3	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của Văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho văn phòng luật sư, công ty luật trách nhiệm hữu hạn một thành viên trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.		50.000 đồng/hồ sơ.		
4	Thay đổi người đại diện theo pháp luật của công ty luật trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên, công ty luật hợp danh	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật trách		50.000 đồng/hồ sơ.		
					- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính	

		nhiệm hữu hạn 2 thành viên trở lên, công ty luật hợp danh, trong đó ghi rõ nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật; trường hợp từ chối phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.			trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	
5	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức hành nghề luật sư	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh		50.000 đồng/hồ sơ.		
6	Đăng ký hành nghề luật sư với tư cách cá nhân	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hành nghề luật sư.		không		
7	Đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.		2.000.000 đồng/hồ sơ.		

8	Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp thực hiện việc đăng ký thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động bằng cách cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh, công ty luật nước ngoài.		1.000.000 đồng/hồ sơ.		
9	Hợp nhất công ty luật	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật hợp nhất.		không		
10	Sáp nhập công ty luật	10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		không		
11	Chuyển đổi công ty luật trách nhiệm hữu hạn và công ty luật hợp danh, chuyển đổi văn phòng luật sư thành công ty luật	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho công ty luật chuyển đổi.		không		
12	Đăng ký hoạt động của chi nhánh của công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp		600.000 đồng/hồ sơ.		

	tại Việt Nam	lệ.				
13	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh, công ty luật nước ngoài	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.			2.000.000 đồng/hồ sơ.	
III. Lĩnh vực Tư vấn pháp luật (4 TTHC)						
1	Đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	- Nghị định số 77/2008/NĐ-CP của Chính phủ ngày 16/7/2008 về tư vấn pháp luật;	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 850/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Đăng ký hoạt động cho chi nhánh của Trung tâm tư vấn pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	- Nghị định số 05/2012/NĐ-CP ngày 02/02/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về đăng ký giao dịch bảo đảm, trợ giúp pháp lý, luật sư, tư vấn pháp luật;	
3	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Trung tâm tư vấn pháp luật, chi nhánh	Trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không	- Thông tư số 01/2010/TT-BTP của Bộ Tư pháp ngày 09/02/2010 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Nghị định số 77/2008/NĐ-CP ngày 16 tháng 7 năm 2008 của Chính phủ về tư vấn pháp luật.	
4	Cấp thẻ tư vấn viên pháp luật	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.		Không	- Thông tư số 19/2011/TT-BTP ngày 31/10/2011 của Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung	

					<p>một số quy định của thủ tục hành chính của Thông tư số 05/2008/TT-BTP ngày 23/9/2008, Thông tư số 03/2008/TT-BTP ngày 25/8/2008 và Thông tư số 01/2010/TT-BTP ngày 09/2/2010 của Bộ Tư pháp.</p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.</p>	
--	--	--	--	--	--	--

IV. Lĩnh vực Giám định tư pháp (1 TTHC)

1	Cấp lại thẻ giám định viên tư pháp	<p>Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp, Giám đốc Sở Tư pháp trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp. Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ</p>	<p>Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến.</p> <p>- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p>	Không	<p>- Luật số 56/2020/QH14 ngày 10/6/2020 của Quốc hội khóa IVX sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giám định tư pháp.</p> <p>- Nghị định số 157/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 85/2013/NĐ-CP ngày 29/7/2013 của Chính phủ quy định chi tiết</p>	<p>Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 853/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>
---	------------------------------------	--	---	-------	---	--

		<p>sơ đề nghị cấp lại thẻ giám định viên tư pháp Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.</p>			<p>và biện pháp thi hành Luật giám định tư pháp; - Thông tư số 11/2020/TT-BTP ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định về mẫu thẻ, trình tự, thủ tục cấp mới, cấp lại thẻ giám định viên tư pháp; - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 16/4/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.</p>	
--	--	---	--	--	--	--

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 764/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 547/QĐ-BGTVT ngày 10 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 67/TTr-SGTVT ngày 27 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết 32 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải (*Phụ lục kèm theo*).

Điều 2: Sở Giao thông vận tải có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 6 năm 2024.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Giao thông vận tải và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH
Lê Tấn Hồ**

Phụ lục
DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ GIAO THÔNG VẬN TẢI

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 764 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

TT	Số hồ sơ TTHC	Thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Lệ phí	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung	Ghi chú
I. LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ							
1	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không	Nghị định số 41/2024/NĐ-CP ngày 16/4/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô, đào tạo lái xe ô tô và dịch vụ sát hạch lái xe.	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính thực hiện theo Quyết định số 547/QĐ-BGT VT ngày 10/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
2	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		
3	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.go	Không		
4	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không		

				v.vn			
5	1.001765	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn Cơ sở đào tạo gửi hồ sơ đề nghị kiểm tra cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe về Sở Giao thông vận tải: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc chương trình tập huấn; - Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc, kể từ ngày đạt kết quả kiểm tra. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không		
6	1.004993	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ. 	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu 	Không		

				<p>chính công ích.</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn</p>			
7	1.001735	Cấp Giấy phép xe tập lái	<p>- 01 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy phép đào tạo lái xe cho cơ sở đào tạo.</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <p>- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.</p>	Không		
8	1.001751	Cấp lại Giấy phép xe tập lái	<p>- 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.</p>	<p>- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố</p>	Không		

				<p>Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn 			
9	1.001777	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ	Không		
10	1.001623	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra: 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; - Thời hạn cấp Giấy phép: 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. 	<p>hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. 	Không		

11	1.005210	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không		
12	1.000004	Chấp thuận bố trí mặt bằng tổng thể hình sát hạch trung tâm sát hạch loại 1, loại 2	- 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.		Không		
13	1.004998	Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động	- 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.		Không		
14	1.004987	Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động	- Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian		Không		

			<p>không quá 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.</p> <p>- Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá 03 ngày làm việc.</p>			
15	1.000703	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không	
16	2.002286	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng	- 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên.	Không	

				Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn			
17	2.002287	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	- 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng theo quy định.		Không		
18	2.002288	Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu	- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		

		<p>kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)</p>					
19	2.002289	<p>Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ</p>	<p>- 02 ngày làm việc, kể từ khi nhận hồ sơ đúng quy định.</p>		Không		

		mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải)					
20	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không		
21	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không		
22	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ:	Không		
23	1.002859	Cấp lại	- Trong thời	địa chỉ:	Không		

		Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn			
24	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		
25	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		
26	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm	Không		

		tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ:			
27	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không		
28	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.		Không		
29	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua	Không		

				Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn			
30	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Chậm nhất 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên. - Nộp qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không		
31	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	- Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.	- Nộp trực tiếp tại Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không		
32	1.010710	Điều chỉnh tần	- Chậm nhất 02 ngày làm	- Nộp qua	Không		

		suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia	việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.	dịch vụ bưu chính công ích. - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn			
--	--	--	---------------------------------------	---	--	--	--

PHẦN II. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

1. Nhóm Thủ tục:

- (1) Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia;
- (2) Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia;
- (3) Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;
- (4) Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
- (5) Cấp phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải);
- (6) Cấp lại phù hiệu xe ô tô kinh doanh vận tải (kinh doanh vận tải hành khách: bằng xe ô tô theo tuyến cố định, xe trung chuyển, bằng xe buýt theo tuyến cố định, bằng xe taxi, xe hợp đồng; kinh doanh vận tải hàng hóa: bằng xe công-ten-nơ, xe ô tô đầu kéo kéo rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc, xe ô tô tải kinh doanh vận tải hàng hóa thông thường và xe taxi tải);
- (7) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới;
- (8) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc;
- (9) Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
- (10) Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào;
- (11) Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;
- (12) Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào;
- (13) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào;
- (14) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia;

(15) Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia;

(16) Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

(17) Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

(18) Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia;

(19) Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **02** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	½ ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	½ ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển Văn bản đến quản trị Trang thông tin điện tử của Sở để đăng tải. - Chuyển kết quả đến Trung	Văn thư Sở	¼ ngày làm việc

	tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	1/4 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:		2 ngày làm việc	

2. Nhóm Thủ tục:

- (1) Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;
- (2) Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe;
- (3) Cấp lại Giấy phép xe tập lái;
- (4) Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô bị mất, bị hỏng, có sự thay đổi liên quan đến nội dung khác;
- (5) Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô đối với trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng.

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **03** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	1 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	1/2 ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	1/2 ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn	Văn thư Sở	1/2 ngày làm việc

	bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.		
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	1/2 ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			3 ngày làm việc

3. Thủ tục Cấp Giấy phép xe tập lái

- Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn **01** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	1/4 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	1/4 ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	1/4 ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và	1/4 ngày làm việc

	kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
Tổng thời gian giải quyết:			1 ngày làm việc

4. Nhóm Thủ tục:

(1) Cấp Giấy phép đào tạo lái xe ô tô;

(2) Cấp Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe loại 1, loại 2 đủ điều kiện hoạt động;

- Thời hạn giải quyết: **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết. - Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tại địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL	6 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	2 ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	1 ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ,	Công chức của	½ ngày làm việc

	đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc

5. Thủ tục Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo

- Thời hạn giải quyết: **08** ngày làm việc (Thời hạn kiểm tra: **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định; Thời hạn cấp Giấy phép: **03** ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra.)

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
	05 ngày làm việc		
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, thanh toán trực tuyến, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Bước 2	Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết; - Phối hợp cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo và dự thảo biên bản	Chuyên viên Phòng QLVTPT và NL	3 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, dự thảo kết quả biên bản trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT phê duyệt kết quả.	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	½ ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả kiểm tra	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát	Văn thư Sở	½ ngày làm việc

	hành văn bản;		
	03 ngày làm việc		
Bước 6	- Nhận hồ sơ, biên bản kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	1 ngày làm việc
Bước 7	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	½ ngày làm việc
Bước 8	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 9	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 10	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			8 ngày làm việc

6. Nhóm Thủ tục:

(1) *Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô trong trường hợp điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo;*

(2) *Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô;*

(3) *Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi, bị tước quyền sử dụng.*

- Thời hạn giải quyết: **05** ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc

	Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.		
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên Phòng QLVTPT và NL	2 ngày làm việc
Bước 3	Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	1 ngày làm việc
Bước 4	Ký phê duyệt kết quả	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			05 ngày làm việc

7. Thủ tục Cấp lại Giấy chứng nhận trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động

- Thời hạn giải quyết:

+ Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe: Trong thời gian không quá **10** ngày làm việc kể từ ngày nhận văn bản đề nghị.

+ Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận: Trong thời hạn không quá **03** ngày làm việc.

- Quy trình nội bộ:

Thứ tự công việc	Nội dung công việc	Trách nhiệm xử lý công việc	Thời gian thực hiện
I	Trường hợp trung tâm sát hạch lái xe có sự thay đổi về thiết bị sát hạch, chủng loại, số lượng xe cơ giới sử dụng để sát hạch lái xe		
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân;	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ

	- Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.	sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết. - Phối hợp với cơ quan quản lý giáo dục nghề nghiệp tại địa phương tổ chức kiểm tra thực tế cơ sở đào tạo, lập biên bản.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	6 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	2 ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	1 ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:			10 ngày làm việc
II	Trường hợp bị hỏng, mất, có sự thay đổi liên quan đến nội dung của giấy chứng nhận		
Bước 1	- Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ, gửi giấy hẹn tiếp nhận hồ sơ trả kết quả cho tổ chức, cá nhân; - Quét (scan) hồ sơ từ bản giấy vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, số hóa hồ sơ (theo quy định tại Thông tư 01/2023/TT-VPCP đối với trường hợp phải số hóa), chuyển hồ sơ	Công chức của Sở GTVT được cử tiếp nhận hồ sơ tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Ngay khi tiếp nhận hồ sơ

	giấy về Phòng QLVTPT và NL xử lý hồ sơ qua Dịch vụ bưu chính.		
Bước 2	- Nhận hồ sơ, kiểm tra, xử lý hồ sơ và dự thảo kết quả giải quyết.	Chuyên viên của Phòng QLVTPT và NL;	1 ngày làm việc
Bước 3	- Thẩm định, dự thảo kết quả giải quyết trước khi trình Lãnh đạo Sở GTVT ký phê duyệt	Lãnh đạo Phòng QLVTPT và NL	½ ngày làm việc
Bước 4	- Ký phê duyệt kết quả TTHC	Lãnh đạo Sở GTVT	½ ngày làm việc
Bước 5	- Lấy số, đóng dấu và phát hành văn bản; - Chuyển kết quả đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	Văn thư Sở	½ ngày làm việc
Bước 6	Trả kết quả cho cá nhân, lưu hồ sơ, đính kèm bản điện tử có ký số kết quả giải quyết TTHC vào Hệ thống giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên và xác nhận trên hệ thống.	Công chức của Sở GTVT tiếp nhận và trả kết quả tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.	½ ngày làm việc
Tổng thời gian giải quyết:		03 ngày làm việc	

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN**

Số: 765 /QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Phú Yên, ngày 31 tháng 5 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Thừa phát lại, Trọng tài thương mại, Hòa giải thương mại, Đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 852/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực thừa phát lại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 854/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đấu giá tài sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 855/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực trọng tài thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Căn cứ Quyết định số 856/QĐ-BTP ngày 17 tháng 5 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hòa giải thương mại thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 48/TTr-STP ngày 23 tháng 5 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong các lĩnh vực Thừa phát lại, Trọng tài thương mại, Hòa giải thương mại, Đấu giá tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp (có phụ lục kèm theo).

Nội dung công bố các thủ tục hành chính có số thứ tự từ 1 đến 13 đối với lĩnh vực Thừa phát lại tại mục A phần I; số thứ tự 1, 2, 3, 5, 6 đối với lĩnh vực Trọng tài thương mại tại mục I phần B; số thứ tự 1, 2 và từ số 4 đến 9 đối với lĩnh vực Hòa giải thương mại tại mục I phần B.

vực Hòa giải thương mại tại mục II phần B của Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1917/QĐ-UBND ngày 06/11/2020; số thứ tự từ 1 đến 6, 8 đối với lĩnh vực Đấu giá tài sản tại phần I của Danh mục ban hành kèm theo Quyết định số 1518/QĐ-UBND ngày 03/9/2020 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 2. Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các sở, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG CÁC LĨNH VỰC THỪA PHÁT LẠI, TRỌNG TÀI THƯƠNG MẠI, HÒA GIẢI THƯƠNG MẠI, ĐẤU GIÁ THƯƠNG MẠI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 765 /QĐ-UBND ngày 31 tháng 5 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí	Văn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Thừa phát lại (13 TTHC)						
1	Đăng ký tập sự hành nghề Thừa phát lại	07 ngày làm việc	- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.	Không	- Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại; - Thông tư số 05/2020/TT-BTP ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 08/2020/NĐ-CP ngày 08/01/2020 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của Thừa phát lại. - Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi,	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 852/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
2	Thay đổi nơi tập sự hành nghề Thừa phát lại	05 ngày làm việc		Không		
3	Đăng ký hành nghề và cấp Thẻ Thừa phát lại	10 ngày		Không		
4	Cấp lại Thẻ Thừa phát lại	07 ngày làm việc		Không		
5	Thành lập Văn phòng Thừa phát lại	- Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại; - Trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng Thừa phát lại.		1.000.000 đồng/hồ sơ.		
6	Đăng ký hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	10 ngày		Không		

7	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Đối với trường hợp thay đổi Trưởng Văn phòng thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p> <p>- Đối với các trường hợp thay đổi khác thì thời hạn cấp Giấy đăng ký hoạt động cho Văn phòng Thừa phát lại là 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.</p>		Không	bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.
8	Chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại.</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển đổi loại hình hoạt động của Văn phòng Thừa phát lại.</p>		Không	
9	Đăng ký hoạt động sau khi chuyển đổi loại hình hoạt động Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc		Không	

10	Hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại.</p>		Không		
11	Đăng ký hoạt động, thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi hợp nhất, sáp nhập Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc		Không		
12	Chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	<p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại;</p> <p>- Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ trình của Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xem xét, quyết định cho phép chuyển nhượng</p>		Không		
13	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động sau khi chuyển nhượng Văn phòng Thừa phát lại	07 ngày làm việc		Không		

II. Lĩnh vực Trọng tài Thương mại (5 TTHC)

1	<p>Đăng ký hoạt động của Trung tâm Trọng tài sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</p>	15 ngày		1.500.000 đồng	<p>- Luật Thương mại năm 2010 số 54/2010/QH12 của Quốc hội khóa 12; - Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thương mại;</p>	
2	<p>Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài; đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm trọng tài khi thay đổi địa điểm đặt trụ sở sang tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương khác</p>	10 ngày làm việc	<p>- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến. - Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.</p>	1.000.000 đồng	<p>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thương mại;</p>	<p>Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 855/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>
3	<p>Thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Chi nhánh Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam</p>	15 ngày làm việc		<p>Phí thẩm định : - 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng) đối với thay đổi nội dung Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài; - 3.000.000 đồng (Ba triệu đồng) đối với thay đổi nội</p>	<p>- Nghị định số 124/2018/NĐ-CP ngày 19/09/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 63/2011/NĐ-CP ngày 28/7/2011 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thương mại; - Thông tư số 12/2012/TT-BTP ngày 7/11/2012 của Bộ Tư pháp ban hành một số biểu mẫu về tổ chức và hoạt động trọng tài</p>	

				<p>dung Giấy đăng ký hoạt động Chi nhánh của Trung tâm trọng tài nước ngoài tại Việt Nam.</p>	<p>thương mại; - Thông tư số 222/2016/TT -BTC ngày 10/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý phí thẩm định tiêu chuẩn, điều kiện hành nghề trong lĩnh vực hoạt động trọng tài thương mại;</p>
4	<p>Đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chuyển địa điểm trụ sở sang tỉnh thành phố trực thuộc trung ương khác</p>	10 ngày làm việc		5.000.000 đồng	<p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.</p>
5	<p>Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài, Chi nhánh Trung tâm trọng tài, Chi nhánh của Tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam</p>	05 ngày làm việc		<p>Phí thẩm định: - Giấy đăng ký hoạt động của Trung tâm trọng tài: 1.500.000 đồng (Một triệu năm trăm nghìn đồng). - Giấy đăng</p>	

				<p>ký hoạt động của chi nhánh Trung tâm trọng tài: 1.000.000 (một triệu đồng).</p> <p>- Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh của tổ chức trọng tài nước ngoài tại Việt Nam: 5.000.000 (năm triệu đồng).</p>		
III.Lĩnh vực Hòa giải Thương mại (8 TTHC)						
1	Đăng ký làm hòa giải viên thương mại vụ việc	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.	<p>- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến.</p> <p>- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú</p>	Không	<p>- Nghị định số 22/2017/NĐ-CP ngày 24/02/2017 của Chính phủ về hòa giải thương mại.</p> <p>- Thông tư số 02/2018/TT-BTP ngày 26/02/2018 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành và hướng dẫn sử dụng một số</p>	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 856/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của
2	Đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại khi thay đổi địa chỉ trụ sở của Trung tâm hòa giải thương mại từ tỉnh, thành phố trực thuộc	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.				

	Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác		Yên.		biểu mẫu về tổ chức và hoạt động hòa giải thương mại.	Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
3	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại	10 ngày			- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày 15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.	
4	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại, chi nhánh Trung tâm hòa giải thương mại, Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	10 ngày làm việc				
5	Chấm dứt hoạt động Trung tâm hòa giải thương mại trong trường hợp Trung tâm hòa giải thương mại tự chấm dứt hoạt động	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực.				
6	Đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam sau khi được Bộ Tư pháp cấp Giấy phép thành lập; đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam khi thay đổi địa chỉ trụ sở từ tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương này sang tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương khác	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày Quyết định thu hồi Giấy phép thành lập của Trung tâm hòa giải thương mại có hiệu lực.				
7	Thay đổi tên gọi, Trưởng chi nhánh trong Giấy đăng ký hoạt động của chi nhánh tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam	Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của Chi nhánh.				
8	Chấm dứt hoạt động của chi nhánh, văn phòng đại diện của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài tại Việt Nam trong trường hợp chi nhánh,	07 ngày làm việc				

	văn phòng đại diện chấm dứt hoạt động theo quyết định của tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài hoặc tổ chức hòa giải thương mại nước ngoài thành lập chi nhánh, văn phòng đại diện tại Việt Nam chấm dứt hoạt động ở nước ngoài					
--	---	--	--	--	--	--

IV. Lĩnh vực Đấu giá tài sản (7 TTHC)						
1	Cấp Thẻ đấu giá viên	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định tại khoản 1 Điều này, Sở Tư pháp cấp Thẻ đấu giá viên; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.	<p>- Nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu chính hoặc trực tuyến.</p> <p>- Địa điểm tiếp nhận hồ sơ: Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, Phú Yên.</p>	Không	- Luật đấu giá tài sản. - Nghị định số 62/2017/NĐ-CP ngày 16/5/2017 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều và biện pháp thi hành Luật đấu giá tài sản.	<p>Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 854/QĐ-BTP ngày 17/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>
2	Cấp lại Thẻ đấu giá viên	Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp cấp lại Thẻ đấu giá viên; trường hợp từ chối phải thông báo lý do bằng văn bản.		Không	- Thông tư số 06/2017/TT-BTP ngày 16/5/2017 của Bộ Tư pháp quy định về chương trình khung của khóa đào tạo nghề đấu giá, cơ sở đào tạo nghề đấu giá, việc tập sự và kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá và biểu mẫu trong lĩnh vực đấu giá tài sản.	
3	Đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.		1.000.000 đồng.		
4	Thay đổi nội dung đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị thay đổi, Sở Tư pháp quyết định thay đổi nội dung đăng ký hoạt động cho		500.000 đồng/hồ sơ.	- Thông tư số 03/2024/TT-BTP ngày	

		doanh nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản.			15/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung 08 thông tư liên quan đến thủ tục hành chính trong lĩnh vực hỗ trợ tư pháp.
5	Cấp lại Giấy đăng ký hoạt động của doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được giấy đề nghị, Sở Tư pháp cấp lại Giấy đăng ký hoạt động cho doanh nghiệp đấu giá tài sản; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Doanh nghiệp bị từ chối cấp lại Giấy đăng ký hoạt động có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.		500.00 0 đồng/h ồ sơ	
6	Đăng ký hoạt động của Chi nhánh doanh nghiệp đấu giá tài sản	Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp cấp Giấy đăng ký hoạt động cho chi nhánh; trường hợp từ chối thì phải thông báo lý do bằng văn bản. Doanh nghiệp bị từ chối có quyền khiếu nại, khởi kiện theo quy định của pháp luật.		Không	
7	Đăng ký tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Sở Tư pháp lập danh sách người đủ điều kiện tham dự kiểm tra kết quả tập sự hành nghề đấu giá, đăng tải trên trang thông tin điện tử của Sở và gửi Bộ		2.700.0 00 đồng/h ồ sơ.	

		Tư pháp; trường hợp từ chối thì phải thông báo bằng văn bản có nêu rõ lý do				
--	--	---	--	--	--	--

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 788/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 06 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Y, dược cổ truyền và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1463/QĐ-BYT ngày 29/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 642/QĐ-BYT ngày 16/3/2024 về việc công bố thủ tục hành chính thuộc lĩnh vực Y, Dược cổ truyền quy định tại Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Bộ Y tế;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 59/TTr-SYT ngày 04/6/2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ trong lĩnh vực Y, dược cổ truyền và lĩnh vực khám bệnh, chữa bệnh thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

Phụ lục
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ
THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ
(Ban hành kèm theo Quyết định số: 788 /QĐ-UBND ngày 06 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

I. Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính sửa đổi	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực y, được cổ truyền								
1	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 1, 2 và khoản 3 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	35 ngày làm việc	- Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Nộp trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên)	2.500.000 đồng	Y, được cổ truyền	Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận phương pháp chữa bệnh gia truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định số 1463/QĐ-BYT ngày 29/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế
2	Cấp giấy chứng nhận lương y cho các đối tượng quy định tại khoản 3, 4 và khoản 5 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	Cấp giấy chứng nhận lương y theo quy định cho các đối tượng quy định tại khoản 4, 5 và khoản 6 Điều 1 Thông tư số 02/2024/TT-BYT	10 ngày làm việc		2.500.000 đồng			
3	Cấp lại giấy chứng nhận là lương y theo thẩm quyền quy định tại Điều 3 Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024	Cấp lại giấy chứng nhận lương y	07 ngày làm việc		Không			
4	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp	Cấp giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp	20 ngày làm việc		2.500.000 đồng			

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính sửa đổi	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Lĩnh vực	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
	chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	chữa bệnh gia truyền						
5	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Cơ quan chuyên môn về y tế thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	Cấp lại giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận người có phương pháp chữa bệnh gia truyền	07 ngày làm việc		Không			

II. Danh mục thủ tục hành chính bị bãi bỏ

STT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Lĩnh vực	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ
1	2.000980.000.00.00.H45	Cấp giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế	Khám bệnh, chữa bệnh	Thông tư số 02/2024/TT-BYT ngày 12 tháng 3 năm 2024 của Bộ Y tế quy định về cấp giấy chứng nhận lương y, giấy chứng nhận người có bài thuốc gia truyền, giấy chứng nhận phương pháp chữa bệnh gia truyền và kết hợp y học cổ truyền với y học hiện đại tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh
2	2.000968.000.00.00.H45	Cấp lại giấy chứng nhận người sở hữu bài thuốc gia truyền và phương pháp chữa bệnh gia truyền thuộc thẩm quyền của Sở Y tế		

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 827/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1372/QĐ-BCT ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương về việc công bố thủ tục hành chính mới được ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Công Thương;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Công Thương tại Tờ trình số 16/TTr-SCT ngày 11 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục và Quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính mới ban hành và sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Công Thương có trách nhiệm cập nhật thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính theo quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

- Phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông rà soát, thiết lập quy trình điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh (*địa chỉ: dichvucong.phuyen.gov.vn*) theo danh mục thủ tục hành chính tại Điều 1 (chậm nhất sau 10 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành).

2. UBND cấp xã niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2024

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Công Thương; Chủ tịch UBND các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

Phụ lục 1
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH VÀ SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
TRONG LĨNH VỰC BẢO VỆ QUYỀN LỢI NGƯỜI TIÊU DÙNG THUỘC
THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG VÀ UBND CẤP XÃ
(Ban hành kèm theo Quyết định số:827/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Phú Yên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

I. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng						
1	Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên.	Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện hoạt động	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã. - Nộp trực tiếp tại địa chỉ: Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích.	Không quy định	Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1372/QĐ-BCT ngày 05/6/2024

II. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Công Thương

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng						
1	Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương.	30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.	- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên	Không quy định	Nghị định số 55/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết một	Những nội dung còn lại được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 1372/QĐ-BCT ngày 05/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương

			<ul style="list-style-type: none"> - Nộp trực tuyến qua Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh tại địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Qua dịch vụ bưu chính công ích. 		số điều của Luật Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng	
--	--	--	---	--	---	--

PHẦN II. QUY TRÌNH NỘI BỘ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ CÔNG THƯƠNG, UBND CẤP XÃ

I. Lĩnh vực Bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng

1. Thủ tục Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương.

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân
- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính là 30 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- Quy trình giải quyết:

STT	Người thực hiện	Trình tự các bước thực hiện	Thời gian
Bước 1: Tiếp nhận hồ sơ	Công dân	<p>Công dân đăng nhập vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên tại địa chỉ https://dichvucong.phuyen.gov.vn</p> <p>Người nộp hồ sơ lựa chọn:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Nộp hồ sơ trực tuyến + Chọn thủ tục: Đăng ký hợp đồng theo mẫu, điều kiện giao dịch chung thuộc thẩm quyền của Sở Công Thương. <ul style="list-style-type: none"> - Người nộp hồ sơ tải các mẫu đơn, tờ khai theo quy định và điền các thông tin theo mẫu, có thể sử dụng chữ ký số hoặc xác thực qua tài khoản định danh điện tử. - Tích hợp các hồ sơ kèm theo. - Người nộp kiểm tra, cập nhật thông tin bảo đảm thông tin đầy đủ, chính xác, hợp pháp. 	
Bước 2: Xử lý hồ sơ	Công chức bộ phận một cửa	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thông báo có hồ sơ mới trên Hệ thống 2. Kiểm tra hồ sơ và các thông tin: <ol style="list-style-type: none"> 2.1 Trường hợp hồ sơ cần bổ sung: Gửi thông báo yêu cầu bổ sung hồ sơ và hướng dẫn công dân bổ sung, hoàn thiện hồ sơ. 2.2 Trường hợp hồ sơ không thuộc thẩm quyền giải quyết: Gửi thông báo không tiếp nhận hồ sơ và nêu rõ lý do. 2.3 Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện giải quyết: <ul style="list-style-type: none"> - Cập nhật thông tin vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh Phú Yên, gửi thông báo tiếp nhận vào tài khoản người gửi hồ sơ. - Chuyển hồ sơ đến công chức phòng thụ lý hồ sơ. 2.4 Trường hợp người nộp hồ sơ không bổ sung, 	0,5 ngày

		hoàn thiện được hồ sơ, gửi thông báo từ chối yêu cầu giải quyết hồ sơ	
	Lãnh đạo và công chức phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	<ol style="list-style-type: none"> 1. Truy cập vào Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh nhận thông báo có hồ sơ mới và tiếp nhận hồ sơ. 2. Phân công cho công chức thụ lý hồ sơ, tham mưu giải quyết. 3. Công chức thụ lý hồ sơ kiểm tra hồ sơ (biểu mẫu, file đính kèm). <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đủ điều kiện giải quyết: thông báo bổ sung hồ sơ; nêu rõ lý do, nội dung cần bổ sung. - Trường hợp hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết: dự thảo văn bản thông báo trả lại hồ sơ (lãnh đạo cơ quan ký), nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, tiếp nhận hồ sơ, trình lãnh đạo phòng phê duyệt dự thảo kết quả giải quyết TTHC. 	25 ngày
	Lãnh đạo phòng chuyên môn thụ lý hồ sơ	<p>Kiểm tra hồ sơ:</p> <p>Nếu đồng ý: Ký nháy văn bản, trình lãnh đạo Sở ký phê duyệt</p> <p>Nếu không đồng ý: Chuyển lại chuyên viên thụ lý hồ sơ</p>	1,5 ngày
	Lãnh đạo Sở	<p>Phê duyệt nội dung văn bản:</p> <p>Nếu đồng ý: Ký duyệt văn bản kết quả</p> <p>Nếu không đồng ý: Chuyển lại lãnh đạo phòng thụ lý hồ sơ</p>	02 ngày
Bước 3: Chuyển trả kết quả giải quyết	Văn thư sở	<ol style="list-style-type: none"> 1. Phát hành văn bản 2. Gửi kết quả giải quyết TTHC cho Bộ phận một cửa Sở 	0,5 ngày
	Công chức Bộ phận một cửa	<ol style="list-style-type: none"> 1. Tiếp nhận kết quả giải quyết TTHC từ Văn thư Sở. 2. Thông báo cho công dân, tổ chức 3. Đề nghị công dân, tổ chức xuất trình phiếu hẹn (nếu có) 4. Đề nghị ký nhận (nếu có) 5. Trả kết quả cho công dân, tổ chức trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC. 	0,5 ngày
Tổng cộng: 30 ngày			

2. Thủ tục Thông báo về việc thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND cấp xã.

- Đối tượng thực hiện: Tổ chức, cá nhân kinh doanh thực hiện hoạt động bán hàng không tại địa điểm giao dịch thường xuyên theo quy định của pháp luật về bảo vệ quyền lợi người tiêu dùng.

- Thời gian giải quyết thủ tục hành chính: Tối thiểu 03 ngày làm việc trước ngày thực hiện hoạt động.

- Quy trình giải quyết:

STT	Người thực hiện	Trình tự các bước thực hiện	Thời gian
-----	-----------------	-----------------------------	-----------

Bước 1	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ bằng hình thức trực tuyến, hoặc nộp trực tiếp, hoặc qua dịch vụ bưu điện và trình Chủ tịch UBND cấp xã	0,5 ngày làm việc
Bước 2	Chủ tịch UBND cấp xã	Giao công chức phòng chuyên môn tham mưu, xử lý.	0,5 ngày làm việc
Bước 3	Công chức phòng chuyên môn tham mưu, xử lý	Xem xét hồ sơ, tham mưu trình Chủ tịch UBND xã ký ban hành Thông báo.	01 ngày làm việc
Bước 4	Chủ tịch UBND cấp xã	- Xem xét, ký ban hành Thông báo; - Trường hợp không ra Thông báo thì phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.	05 ngày làm việc
Bước 5	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp xã.	Thực hiện các quy trình trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh theo quy định; thực hiện trả kết quả cho cho tổ chức, cá nhân.	05 ngày làm việc
<i>Tổng cộng: Tối thiểu 03 ngày làm việc</i>			

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

Số:842/QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Phú Yên, ngày 18 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 53/TTr-STP ngày 14 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 05 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực quốc tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp Phú Yên (có Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ

trường các cơ quan, ban, ngành tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG
LĨNH VỰC QUỐC TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT
CỦA SỞ TƯ PHÁP TỈNH PHÚ YÊN

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 842/QĐ-UBND ngày 18 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)*

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Thủ tục cấp Giấy xác nhận là người gốc Việt Nam	05 ngày làm việc	Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.	- 100.000 đồng - Miễn phí đối với người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã.	- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 264/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1078/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

					<p>phí, lệ phí trong lĩnh vực ngoại giao áp dụng tại các Cơ quan đại diện Việt Nam ở nước ngoài.</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p>
02	Thủ tục nhập quốc tịch Việt Nam	115 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên.</p>	<p>- 3.000.000 đồng.</p> <p>- Miễn lệ phí đối với những trường hợp:</p> <p>+ Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008.</p> <p>- Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam.</p> <p>- Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số</p>

				<p>Nam Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó).</p> <p>+ Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</p>	<p>281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p>
03	<p>Thủ tục trở lại quốc tịch Việt Nam ở trong nước</p>	<p>85 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần</p>	<p>- 2.500.000 đồng. - Miễn lệ phí đối với những trường hợp sau: + Người có công lao đặc biệt đóng góp cho sự nghiệp xây dựng và bảo vệ tổ quốc Việt Nam (phải là người được tặng thưởng Huân</p>	<p>- Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP</p>

		<p>Hung Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.</p>	<p>chương, Huy chương, danh hiệu cao quý khác của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam, Nhà nước CHXHCN Việt Nam hoặc được cơ quan, tổ chức có thẩm quyền của Việt Nam xác nhận về công lao đặc biệt đó). + Người không quốc tịch có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã nơi cư trú.</p>	<p>ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch. - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p>	
--	--	---	---	---	--

<p>04</p>	<p>Thủ tục thời quốc tịch Việt nam ở trong nước</p>	<p>75 ngày (thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền)</p>		<p>2.500.000 đồng</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Quốc tịch Việt Nam năm 2008. - Nghị định số 16/2020/NĐ-CP ngày 03/02/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Quốc tịch Việt Nam. - Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch.
<p>05</p>	<p>Thủ tục cấp Giấy xác nhận có quốc tịch Việt Nam ở trong nước</p>	<p>Thời gian thực tế giải quyết hồ sơ tại các cơ quan có thẩm quyền: -20 ngày làm việc đối với trường hợp có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam. - 55 ngày làm việc đối với trường hợp không có giấy tờ chứng minh quốc tịch Việt Nam.</p>	<p>Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: 206A Trần Hung Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.</p>	<ul style="list-style-type: none"> - 100.000 đồng. - Miễn phí đối với người di cư từ Lào được phép cư trú xin xác nhận là người gốc Việt Nam theo quy định của điều ước quốc tế mà nước CHXHCN Việt Nam là thành viên; kiều bào Việt Nam tại các nước láng giềng có chung đường biên giới đất liền với Việt Nam có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có xác nhận của UBND cấp xã. 	<ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp và quản lý sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch. - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều

					<i>của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</i>	
--	--	--	--	--	--	--

Ghi chú: *Phân chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.*

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 857/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch được thực hiện tại Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tư pháp;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tư pháp tại Tờ trình số 53/TTr-STP ngày 14 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 32 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hộ tịch thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Tư pháp, UBND cấp huyện, UBND cấp xã trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

1. Sở Tư pháp có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

2. UBND các huyện, thị xã, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn niêm yết, công khai các thủ tục hành chính liên quan tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của đơn vị; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH
VỰC HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND
CẤP HUYỆN VÀ UBND CẤP XÃ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 857/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH
VỰC HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ TƯ PHÁP, UBND
CẤP HUYỆN, UBND CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Thủ tục cấp bản sao Trích lục hộ tịch	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.	Trung tâm phục vụ hành chính công tỉnh Phú Yên; bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện, UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: (https://dvc.hvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: (https://dvc.hvucong.puyen.gov.vn)	8.000 đồng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

				<p>chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư</i></p>	
--	--	--	--	--	--

					<p><i>pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</i></p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</p>
--	--	--	--	--	---

II. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP HUYỆN

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Thủ tục đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>	<p>Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp huyện hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: (https://dichvucong.phuyen.gov.vn)</p>	<p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 50.000 đồng;</p> <p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng.</p>	<p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ</p>	<p>Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.</p>

					<p>sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết</p>	
--	--	--	--	--	--	--

					<p>một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng</p>	
--	--	--	--	--	--	--

					<p>phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</p>
02	Thủ tục đăng ký kết hôn có yếu tố nước ngoài	15 ngày		<p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 1.000.000 đồng;</p> <p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 500.000 đồng</p>	<p>- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành</p>
03	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài			<p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 1.500.000 đồng;</p> <p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 750.000 đồng</p>	
04	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp				<p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 1.500.000 đồng;</p> <p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 750.000 đồng</p>

	<p>đăng ký nhận cha, mẹ, con có yếu tố nước ngoài</p>			<p>vụ công trực tiếp: 1.550.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 775.000 đồng</p>	<p>chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy</p>	
--	---	--	--	--	--	--

					<p>định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch.</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc</p>	
--	--	--	--	--	--	--

					Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
05	Thủ tục đăng ký giám hộ có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc (giám hộ cử), 03 ngày làm việc (giám hộ đương nhiên)			- Bộ luật Dân sự năm 2015; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
06	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ có yếu tố nước ngoài	02 ngày làm việc		- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 50.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số

					<p>điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ</p>	
--	--	--	--	--	--	--

					<p><i>Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</i></p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên</p>	
--	--	--	--	--	--	--

					<i>ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</i>
07	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc	- Ngay trong ngày làm việc đối với việc bổ sung thông tin hộ tịch; - 03 ngày làm việc (việc thay đổi, cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc).		- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 25.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 12.500 đồng	- Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
08	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày		- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 50.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;
09	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc ly hôn, hủy việc kết hôn của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài	12 ngày		- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 50.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng	- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
10	Thủ tục ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ, trường		- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 25.000 đồng	

	<p>tịch khác của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan thẩm quyền của nước ngoài (sinh; giám hộ; cha, mẹ, con; định cha, mẹ, con; nuôi con nuôi; khai tử; thay đổi hộ tịch)</p>	<p>hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trong trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc.</p>		<p><i>vụ công trực tiếp: 50.000 đồng;</i> <i>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng</i></p>	<p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý</p>
--	--	--	--	---	---

				<p>mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</p>
11	Thủ tục đăng ký lại khai sinh có yếu tố nước ngoài	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết		<p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 50.000</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy</p>
12	Thủ tục			

	<p>đăng ký khai sinh có yếu tố nước ngoài cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân</p>	<p>không quá 25 ngày</p>		<p><i>đồng;</i> - <i>Trưởng hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng</i></p>	<p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày</p>	
--	--	--------------------------	--	--	--	--

					<p>28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của</p>	
--	--	--	--	--	---	--

					<p><i>Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch; - <i>Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</i> 	
13	<p>Thu tục đăng ký lại kết hôn có yếu tố nước ngoài</p>			<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 1.000.000</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy 	

				<p>đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 500.000 đồng</p>	<p>định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>
14	<p>Thủ tục đăng ký lại khai tử có yếu tố nước ngoài</p>	<p>05 ngày làm việc Trường hợp phải tiến hành xác minh thì thời hạn không quá 10 ngày làm việc</p>		<p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 50.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng</p>	<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p>
15	<p>Thủ tục đăng ký khai tử có yếu tố nước ngoài</p>	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo. Trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 03 ngày làm việc</p>		<p>- Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 50.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 25.000 đồng</p>	<p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày</p>

					<p>28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của</p>	
--	--	--	--	--	---	--

					<p><i>Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</i></p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- <i>Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</i></p>
--	--	--	--	--	--

III. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC HỘ TỊCH THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA UBND CẤP XÃ

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
01	Thủ tục đăng ký khai sinh	Ngay trong ngày tiếp nhận hồ sơ; trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết	- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia	<i>Quá hạn:</i> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 8.000 đồng;</i> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ</i>	- Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành	Những nội dung còn lại của thủ tục hành chính được thực hiện theo Quyết định số 1079/QĐ-BTP ngày

		quả trong ngày làm việc tiếp theo. (Đối với thủ tục đăng ký kết hôn: Trong trường hợp cần xác minh điều kiện kết hôn của hai bên nam, nữ thì thời hạn giải quyết không quá 05 ngày làm việc)	(https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: (https://dichvucong.phuyen.gov.vn)	<i>công trực tuyến: 4.000 đồng</i>	Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;	11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.
02	Thủ tục đăng ký kết hôn			<i>Không</i>	- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;	
03	Thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con	03 ngày làm việc. Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 08 ngày làm việc		- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 10.000 đồng;</i> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 5.000 đồng</i>	- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;	
04	Thủ tục đăng ký khai sinh kết hợp đăng ký nhận cha, mẹ, con			- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 10.000 đồng;</i> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 5.000 đồng</i>	- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của	
05	Thủ tục cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân	03 ngày làm việc; trường hợp phải xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 23 ngày.		- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 5.000 đồng;</i> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ</i>		

				<i>công trực tuyển: 2.500 đồng</i>	Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt
06	Thủ tục đăng ký kết hôn lưu động	05 ngày làm việc	Lưu động trên địa bàn xã, phường, thị trấn	Không	

					<p>Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.
07	Thủ tục đăng ký khai sinh lưu động			Không	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;
08	Thủ tục đăng ký khai tử lưu động			Không	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP
09	Thủ tục đăng ký khai tử	<p>Ngày trong ngày tiếp nhận yêu cầu, trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo</p>	<p>- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của UBND cấp xã hoặc nộp hồ sơ trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia (https://dichvucong.gov.vn) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Phú Yên tại địa chỉ: (https://dichvucong.phuyen.gov.vn)</p>	<p><i>Quá hạn:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 5.000 đồng; - Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 2.500 đồng 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến; - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công; - Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Thông tư số 01/2022/TT-BTP

					<p>ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- <i>Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của</i></p>	
--	--	--	--	--	---	--

				<p><i>Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch; - <i>Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</i>
10	Thủ tục đăng ký lại khai sinh	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 8.000 đồng;</i> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 4.000 đồng</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Hộ tịch năm 2014; - Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch; - Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;
11	Thủ tục đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân	05 ngày làm việc. Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.	<ul style="list-style-type: none"> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 8.000 đồng;</i> - <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 4.000 đồng</i> 	<ul style="list-style-type: none"> - Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp

					<p>dịch vụ công;</p> <ul style="list-style-type: none">- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP	
--	--	--	--	--	--	--

				<p>ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Thông tư số 09/2022/TT-BTP ngày 30/12/2022 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp bãi bỏ một số nội dung tại các Thông tư trong lĩnh vực trợ giúp pháp lý, hộ tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</p>	
12	Thủ tục đăng ký lại	05 ngày làm việc.		- Trường hợp thực	- Luật Hộ tịch năm 2014;

	kết hôn	Trường hợp phải có văn bản xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 25 ngày.		<p><i>hiện dịch vụ công trực tiếp: 8.000 đồng;</i></p> <p>- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 4.000 đồng</i></p>	<p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>
13	Thủ tục đăng ký lại khai tử	05 ngày làm việc; trường hợp cần xác minh thì thời hạn giải quyết không quá 10 ngày làm việc		<p>- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 5.000 đồng;</i></p> <p>- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 2.500 đồng</i></p>	<p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p>
14	Thủ tục thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch	<p>- Thay đổi, cải chính: 03 ngày làm việc (Trường hợp cần phải xác minh thì thời hạn được kéo dài không quá 06 ngày làm việc)</p> <p>- Bổ sung: Trong ngày làm việc. Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ mà không giải quyết được ngay thì trả kết quả trong ngày làm việc tiếp theo.</p>		<p>- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tiếp: 10.000 đồng;</i></p> <p>- <i>Trường hợp thực hiện dịch vụ công trực tuyến: 5.000 đồng</i></p>	<p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p>

					<p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu số quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử</p>	
--	--	--	--	--	---	--

					<p>dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch;</p> <p>- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</p>
15	Thủ tục đăng ký giám hộ	03 ngày làm việc		Không	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</p>
16	Thủ tục đăng ký chấm dứt giám hộ	02 ngày làm việc		Không	<p>- Bộ luật Dân sự năm 2015;</p> <p>- Luật Hộ tịch năm 2014;</p> <p>- Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Nghị định số 104/2022/NĐ-CP ngày 21/12/2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công;</p> <p>- Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP</p>

					<p>ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</p> <p>- Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 của Bộ Tư pháp quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 03/2023/TT-BTP ngày 02/8/2023 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Thông tư số 01/2022/TT-BTP ngày 04/01/2022 quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Nghị định số 87/2020/NĐ-CP ngày 28/7/2020 của Chính phủ quy định về Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử, đăng ký hộ tịch trực tuyến;</p> <p>- Thông tư số 04/2024/TT-BTP ngày 06/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2020/TT-BTP ngày 08/4/2020 của Bộ trưởng Bộ Tư pháp ban hành, hướng dẫn sử dụng, quản lý mẫu sổ quốc tịch và mẫu giấy tờ về quốc tịch và Thông tư số 04/2020/TT-BTP ngày 28/5/2020 của</p>	
--	--	--	--	--	--	--

					<p><i>Bộ trưởng Bộ Tư pháp quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Hộ tịch và Nghị định số 123/2015/NĐ-CP ngày 15/11/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Hộ tịch;</i></p> <p><i>- Thông tư số 281/2016/TT-BTC ngày 14/11/2016 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí khai thác, sử dụng thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch, phí xác nhận có quốc tịch Việt Nam, phí xác nhận là người gốc Việt Nam, lệ phí quốc tịch.</i></p> <p><i>- Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 09/12/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên ban hành mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.</i></p>	
--	--	--	--	--	---	--

Ghi chú: Phần chữ in nghiêng là nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế.

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 858/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 20 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định 1613/QĐ-BYT ngày 11 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung tại các Quyết định của Bộ Y tế về công bố thủ tục hành chính lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Y tế tại Tờ trình số 63/TTr-SYT ngày 17 tháng 6 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Y tế (phụ lục đính kèm).

Điều 2. Sở Y tế có trách nhiệm cập nhật và công khai thủ tục hành chính tại Điều 1 Quyết định này vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính và tích hợp dữ liệu để công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh theo đúng quy định (chậm nhất sau 03 ngày làm việc kể từ ngày ký ban hành); niêm yết, công khai các thủ tục hành chính này tại Trung tâm Phục vụ hành chính công và trên Trang thông tin điện tử của Sở; thực hiện giải quyết thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền, theo đúng quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Y tế và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Đào Mỹ

PHỤ LỤC
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG TRONG LĨNH VỰC
AN TOÀN THỰC PHẨM VÀ DINH DƯỠNG THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ Y TẾ

(Ban hành kèm theo Quyết định số: 858/QĐ-UBND ngày 20 tháng 6 năm 2024
của Chủ tịch UBND tỉnh Phú Yên)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

STT	Tên thủ tục hành chính	Tên thủ tục hành chính sửa đổi	Thời gian giải quyết	Cách thức thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
I. Lĩnh vực An toàn thực phẩm và dinh dưỡng							
1	Xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	Đăng ký nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi	10 ngày làm việc	- Nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh, địa chỉ http://dichvucong.phuyen.gov.vn - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công (206A Trần Hưng Đạo, phường 4, thành phố Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên)	1.100.000 đồng /lần/sản phẩm	Thông tư 67/2021/TT-BTC ngày 05/8/2021 của Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng phí trong công tác an toàn thực phẩm	Những nội dung còn lại của thủ tục thực hiện theo Quyết định số 1613/QĐ-BYT ngày 11/6/2024 của Bộ trưởng Bộ Y tế

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊNCỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 868/QĐ-UBND

Phú Yên, ngày 21 tháng 6 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Công bố Danh mục 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử:
Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em
dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết
mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 63/2024/NĐ-CP ngày 8 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ: Quy định việc thực hiện liên thông điện tử 02 nhóm thủ tục hành chính: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi; đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 269/QĐ-VPCP ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc công bố 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 nhóm thủ tục hành chính liên thông điện tử: Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi và Đăng ký khai tử xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng phí, tử tuất trên địa bàn tỉnh Phú Yên (Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Tư pháp, Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Giám đốc Sở Y tế, Giám đốc

Sở Thông tin và truyền thông, Giám đốc Công an tỉnh, Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT.CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hồ Thị Nguyên Thảo

PHỤ LỤC

DANH MỤC 02 NHÓM THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN THÔNG ĐIỆN TỬ: ĐĂNG KÝ KHAI SINH, ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, CẤP THẺ BẢO HIỂM Y TẾ CHO TRẺ EM DƯỚI 6 TUỔI; ĐĂNG KÝ KHAI TỬ, XÓA ĐĂNG KÝ THƯỜNG TRÚ, GIẢI QUYẾT MAI TÁNG PHÍ, TỬ TUẤT TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ YÊN

(Ban hành kèm theo Quyết định số:868 /QĐ-UBND ngày 21 tháng 6 năm 2024 của Chủ tịch UBND tỉnh)

STT	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	TTHC liên thông	Ghi chú
I. Nhóm thủ tục hành chính liên thông cấp xã, cấp huyện							
01	Đăng ký khai sinh, đăng ký thường trú, cấp thẻ bảo hiểm y tế cho trẻ em dưới 6 tuổi	- Ba (03) ngày làm việc kể từ khi các cơ quan có thẩm quyền nhận đủ hồ sơ theo quy định - Trường hợp phải xác minh thì không quá năm (05) ngày làm việc. Nếu tiếp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì thời gian được tính bắt đầu từ ngày làm việc tiếp theo.	Người có yêu cầu truy cập vào Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc trên ứng dụng VNeID, lựa chọn mục Dịch vụ công liên thông khai sinh, khai tử” để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến và lệ phí theo quy định	- Lệ phí khai sinh: Theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 của HĐND tỉnh. - Lệ phí đăng ký thường trú: Không	- Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009; - Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014; - Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014; - Luật trẻ em 5/4/2016; - Luật cư trú ngày 13/11/2020; - Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày	UBND cấp xã, Cơ quan công an cơ quan Bảo hiểm xã hội hoặc cơ quan Lao động - Thương binh và xã hội huyện	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 269/QĐ-VPCP ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ

					9/12/2020; - Nghị định 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ; - Nghị quyết 23/2023/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên.		
--	--	--	--	--	--	--	--

II. Nhóm thủ tục hành chính liên thông cấp xã, cấp huyện, cấp tỉnh

02	Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết mai táng, tử tuất	- Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết trợ cấp mai táng, tử tuất đối với nhóm Người có công: không quá 18 ngày làm việc. - Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, giải quyết hỗ trợ chi phí mai táng đối với nhóm đối tượng Bảo trợ xã hội: không quá 06 ngày làm việc. Không quá 11 ngày	Người có yêu cầu truy cập vào Cổng Dịch vụ công quốc gia, tại địa chỉ dichvucong.gov.vn hoặc trên ứng dụng VNeID, lựa chọn mục Dịch vụ công liên thông khai sinh, khai tử” để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến và lệ phí theo quy định	- Lệ phí khai tử: Theo Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 của HĐND tỉnh.	- Luật Người cao tuổi ngày 23/11/2009; - Luật Người khuyết tật ngày 17/6/2010; - Luật Hộ tịch năm 2014; - Luật Bảo hiểm xã hội ngày 20/11/2014; - Luật Bảo hiểm y tế ngày 14/11/2008; - Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Bảo hiểm y tế ngày 13/6/2014; - Luật trẻ em ngày 5/4/2016; - Luật cư trú ngày 13/11/2020;	UBND cấp xã, Cơ quan Công an có thẩm quyền, Cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội, Cơ quan Bảo hiểm xã hội cấp huyện.	Những nội dung còn lại thực hiện theo Quyết định số 269/QĐ-VPCP ngày 12 tháng 6 năm 2024 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ
----	---	--	---	--	---	--	---

		<p>làm việc đối với trường hợp đối tượng là người đủ 80 tuổi trở lên đang hưởng trợ cấp tuất hàng tháng.</p> <p>- Đăng ký khai tử, xóa đăng ký thường trú, trợ cấp mai táng, trợ cấp tử tuất đối với đối tượng do ngành Bảo hiểm xã hội giải quyết: không quá 09 ngày làm việc.</p> <p>Trường hợp nhận hồ sơ sau 15 giờ thì thời gian được tính bắt đầu từ ngày làm việc tiếp theo.</p>			<p>- Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng ngày 9/12/2020;</p> <p>- Nghị định 63/2024/NĐ-CP ngày 10/6/2024 của Chính phủ;</p> <p>- Nghị quyết 23/2023/NQ-HĐND ngày 9/12/2023 của HĐND tỉnh quy định mức thu, quản lý lệ phí hộ tịch trên địa bàn tỉnh Phú Yên</p>		
--	--	---	--	--	--	--	--

VĂN PHÒNG UBND TỈNH PHÚ YÊN XUẤT BẢN

Địa chỉ: 07 Độc Lập, TP. Tuy Hòa, tỉnh Phú Yên;

Điện thoại: 057.3828747;

Fax: 057.3824842;

Email: congbao@phuyen.gov.vn;

Website: <http://congbao.phuyen.gov.vn>;

In tại: Trung tâm Truyền thông.